

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2018

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy
tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại điểm k khoản 2, điểm e khoản 3, điểm đ khoản 4 Điều 248; điểm i khoản 1, điểm n khoản 2, điểm h khoản 3, điểm h khoản 4 Điều 249; điểm i khoản 1, điểm o khoản 2, điểm h khoản 3, điểm h khoản 4 Điều 250; điểm p khoản 2, điểm h khoản 3, điểm h khoản 4 Điều 251 và điểm i khoản 1, điểm n khoản 2, điểm h khoản 3, điểm h khoản 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy.

Điều 3. Nguyên tắc về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy

1. Việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy phải đảm bảo khách quan, khoa học và được thực hiện theo phương pháp, trình tự quy định của Nghị định này.

2. Khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy theo quy định của Nghị định này là khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy thu giữ hoặc chứng minh được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Việc xác định khối lượng thuốc phiện trong xái thuốc phiện, thuốc phiện pha loãng, thuốc phiện pha trộn được tính theo thuốc phiện chứa 10% morphine làm căn cứ quy đổi.

3. Tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy được tính theo quy định của Nghị định này nếu là số thập phân thì gồm một chữ số sau dấu phẩy và không làm tròn.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy trong trường hợp các chất ma túy được quy định trong cùng một điểm thuộc các khoản của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Trường hợp các chất ma túy đó đều được quy định trong cùng một điểm của khoản 2, 3, 4 Điều 248; hoặc trong cùng một điểm của khoản 1, 2, 3, 4 Điều 249; hoặc trong cùng một điểm của khoản 1, 2, 3, 4 Điều 250; hoặc trong cùng một điểm của khoản 2, 3, 4 Điều 251; hoặc trong cùng một điểm của khoản 1, 2, 3, 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì cộng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy lại với nhau và đối chiếu với quy định về khối lượng hoặc thể tích của nhóm chất ma túy đó trong các khoản của điều luật được áp dụng để xác định tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của điều luật được áp dụng.

Điều 5. Việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy trong trường hợp các chất ma túy không được quy định trong cùng một điểm thuộc các khoản của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015

1. Trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 1 Điều 249 hoặc khoản 1 Điều 250 hoặc khoản 1 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì xác định tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy theo trình tự như sau:

a) Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 1 của một trong các Điều 249, 250, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau đó cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy.

b) Căn cứ vào tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy đã được xác định tại điểm a khoản này để xác định tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của một trong các Điều 249, 250, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo nguyên tắc:

Nếu tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy dưới 100%, thì tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp dưới mức tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 249; hoặc khoản 1 Điều 250; hoặc khoản 1 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nếu tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy từ 100% trở lên, thì cần tiếp tục tính tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 của một trong các Điều 249, 250, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo trình tự quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 2 của một trong các Điều 249, 250, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó có ít nhất một chất ma túy có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 của một trong các điều này; hoặc trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 2 Điều 248 hoặc khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì xác định tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy theo trình tự như sau:

a) Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau đó cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy.

b) Căn cứ vào tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy đã được xác định tại điểm a khoản này để xác định tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo nguyên tắc:

Nếu tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy dưới 100%, thì tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 248 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 250 hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 251 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nếu tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy từ 100% trở lên, thì cần tiếp tục tính tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo trình tự quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 3 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó có ít nhất một chất ma túy có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 của một trong các điều này thì xác định tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy theo trình tự như sau:

a) Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau đó cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy.

b) Căn cứ vào tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy đã được xác định tại điểm a khoản này để xác định tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo nguyên tắc:

Nếu tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy dưới 100%, thì tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều 248 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm o khoản 2 Điều 250 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm n khoản 2 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nếu tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy từ 100% trở lên, thì cần tiếp tục tính tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 4 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo trình tự quy định tại các điểm a, b khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 4 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó có ít nhất một chất ma túy có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 của một trong các điều này thì xác định tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy theo trình tự như sau:

a) Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 4 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau đó cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của từng chất ma túy lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy.

b) Căn cứ vào tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy đã được xác định tại điểm a khoản này để xác định tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo nguyên tắc:

Nếu tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy dưới 100%, thì tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 248 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 250 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nếu tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy từ 100% trở lên, thì tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 248 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

5. Trường hợp một trong các chất ma túy có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 248 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 6. Phụ lục

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy trong một số trường hợp cụ thể.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). *xh 104*



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

VỀ VIỆC TÍNH TỔNG KHỐI LƯỢNG HOẶC THỂ TÍCH CÁC CHẤT MA TÚY TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

*(Kèm theo Nghị định số 19/2018/NĐ-CP
ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ)*

I. VỀ VIỆC TÍNH TỔNG KHỐI LƯỢNG HOẶC THỂ TÍCH CHẤT MA TÚY TRONG TRƯỜNG HỢP CÁC CHẤT MA TÚY ĐỀU ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CÙNG MỘT ĐIỂM THUỘC CÁC KHOẢN CỦA MỘT TRONG CÁC ĐIỀU 248, 249, 250, 251, 252 CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 4 CỦA NGHỊ ĐỊNH)

Ví dụ: Một người mua bán trái phép 03 gam Heroine, 03 gam Cocaine, 03 gam Methamphetamine, 20 gam Amphetamine và 20 gam MDMA. Tổng khối lượng các chất ma túy trong trường hợp này được xác định như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Tội mua bán trái phép chất ma túy), thì Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine và MDMA là các chất ma túy được quy định trong cùng một điểm tại các khoản của Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (cụ thể gồm: điểm i khoản 2; điểm b khoản 3; điểm b khoản 4 Điều 251), vì vậy sẽ áp dụng quy định tại Điều 4 của Nghị định để tính tổng khối lượng của Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine và MDMA như sau:

- Cộng khối lượng của từng chất lại với nhau để xác định tổng khối lượng của 05 chất ma túy Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA là: 03 gam + 03 gam + 03 gam + 20 gam + 20 gam = 49 gam.

- Đối chiếu tổng khối lượng của 05 chất ma túy với quy định tại điểm i khoản 2; hoặc điểm b khoản 3; hoặc điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì trong trường hợp này tổng khối lượng của 05 chất ma túy tương đương với khối lượng Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine hoặc MDMA được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xác định điểm, khoản, điều luật: Như vậy trong trường hợp này tổng khối lượng của 05 chất ma túy Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine và MDMA thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cụ thể: “*h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này*”.

II. VỀ VIỆC TÍNH TỔNG KHỐI LƯỢNG HOẶC THỂ TÍCH CÁC CHẤT MA TÚY TRONG TRƯỜNG HỢP CÁC CHẤT MA TÚY KHÔNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CÙNG MỘT ĐIỂM THUỘC CÁC KHOẢN CỦA MỘT TRONG CÁC ĐIỀU 248, 249, 250, 251, 252 CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 5 CỦA NGHỊ ĐỊNH)

1. Trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 1 Điều 249 hoặc khoản 1 Điều 250 hoặc khoản 1 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ví dụ: Một người chiếm đoạt 03 kilôgam quả thuốc phiện khô và 0,7 kilôgam quả thuốc phiện tươi. Tổng khối lượng của 02 chất ma túy được xác định như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Tội chiếm đoạt chất ma túy), thì 03 kilôgam quả thuốc phiện khô thuộc trường hợp dưới mức tối thiểu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, 0,7 kilôgam quả thuốc phiện tươi thuộc trường hợp dưới mức tối thiểu quy định tại điểm e khoản 1 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy sẽ áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này để tính tổng khối lượng của 03 kilôgam quả thuốc phiện khô và 0,7 kilôgam quả thuốc phiện tươi như sau:

- Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng của từng chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 1 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện khô quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 252 là 60% (03 kilôgam so với 05 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện tươi so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện tươi quy định tại điểm e khoản 1 Điều 252 là 70% (0,7 kilôgam so với 01 kilôgam).

- Cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô và quả thuốc phiện tươi lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cả hai chất ma túy là: $60\% + 70\% = 130\%$ (thuộc trường hợp từ 100% trở lên). Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô và quả thuốc phiện tươi so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 1 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là trên 100%, như vậy phải tiếp tục tính tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô và quả thuốc phiện tươi so với mức tối thiểu đối với từng chất đó quy định tại khoản 2 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xác định tổng khối lượng của quả thuốc phiện khô và quả thuốc phiện tươi có thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 hay không, cụ thể:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện khô được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 252 là 06% (03 kilôgam so với 50 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện tươi so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện tươi được quy định tại điểm k khoản 2 Điều 252 là 07% (0,7 kilôgam so với 10 kilôgam).

+ Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô và quả thuốc phiện tươi so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là: $06\% + 07\% = 13\%$ (thuộc trường hợp dưới 100%).

- Xác định điểm, khoản, điều luật: Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô và quả thuốc phiện tươi so với mức tối thiểu đối với từng chất đó quy định tại khoản 2 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là dưới 100% nên tổng khối lượng của quả thuốc phiện khô và quả thuốc phiện tươi chỉ thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cụ thể: *“i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.”*.

2. Trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 2 của một trong các Điều 249, 250, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó có ít nhất một chất ma túy có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 của một trong các điều này.

Ví dụ: Một người tàng trữ trái phép 400 gam cao côca, 900 gam lá cây côca, 45 kilôgam quả thuốc phiện khô, 900 gam quả thuốc phiện tươi, 95 mililít chất ma túy khác ở thể lỏng. Tổng khối lượng hoặc thể tích của 05 chất ma túy được xác định như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), thì lá cây côca và quả thuốc phiện tươi có khối lượng thuộc trường hợp dưới mức tối thiểu theo quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; cao côca, quả thuốc phiện khô và chất ma túy khác ở thể lỏng có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại điểm b, đ và h khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì năm chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất theo quy định tại khoản 2 và có 03 chất ma túy có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy sẽ áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định này để tính tổng khối lượng hoặc thể tích của cả năm chất ma túy như sau:

- Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của cao côca, lá cây côca, quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi, chất ma túy khác ở thể lỏng so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cao côca so với mức tối thiểu đối với cao côca được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 80% (400 gam so với 500 gam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của lá cây côca so với mức tối thiểu đối với lá cây côca được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 9% (900 gam so với 10 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện khô được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 90% (45 kilôgam so với 50 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện tươi so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện tươi quy định tại điểm k khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 9% (900 gam so với 10 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về thể tích của chất ma túy khác ở thể lỏng so với mức tối thiểu đối với các chất ma túy khác ở thể lỏng được quy định tại điểm m khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 95% (95 mililít so với 100 mililít).

- Cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của 05 chất cao côca, lá cây côca, quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi và chất ma túy khác ở thể lỏng lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của cả 05 chất ma túy là: $80\% + 9\% + 90\% + 9\% + 95\% = 283\%$ (thuộc trường hợp từ 100% trở lên). Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của 05 chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là trên 100%, như vậy phải tiếp tục tính tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của 05 chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, để xác định tổng khối lượng hoặc thể tích của 05 chất ma túy có thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 hay không, cụ thể:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cao côca so với mức tối thiểu đối với cao côca được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 40% (400 gam so với 01 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của lá cây côca so với mức tối thiểu đối với lá cây côca được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 3,6% (900 gam so với 25 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện khô được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 22,5% (45 kilôgam so với 200 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện tươi so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện tươi được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 1,8% (900 gam so với 50 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về thể tích của chất ma túy khác ở thể lỏng so với mức tối thiểu đối với các chất ma túy khác ở thể lỏng được quy định tại điểm g khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 38% (95 mililit so với 250 mililit).

+ Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của 05 chất cao côca, lá cây côca, quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi và các chất ma túy khác ở thể lỏng so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là: $40\% + 3,6\% + 22,5\% + 1,8\% + 38\% = 105,9\%$ (thuộc trường hợp từ 100% trở lên). Như vậy, phải tiếp tục tính tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của 05 chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xác định tổng khối lượng hoặc thể tích của 05 chất ma túy có thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 hay không, cụ thể:

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cao côca so với mức tối thiểu đối với cao côca được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 8% (400 gam so với 05 kilôgam).

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của lá cây côca so với mức tối thiểu đối với lá cây côca được quy định tại điểm c khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 1,2% (900 gam so với 75 kilôgam).

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện khô được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 7,5% (45 kilôgam so với 600 kilôgam).

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện tươi so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện tươi được quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 0,6% (900 gam so với 150 kilôgam).

Tỷ lệ phần trăm về thể tích của chất ma túy khác ở thể lỏng so với mức tối thiểu đối với các chất ma túy khác ở thể lỏng được quy định tại điểm g khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 12,6% (95 mililit so với 750 mililit).

- Xác định điểm, khoản, điều luật: Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng hoặc thể tích của 05 chất cao côca, lá cây côca, quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi và chất ma túy khác ở thể lỏng so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là: $8\% + 1,2\% + 7,5\% + 0,6\% + 12,6\% = 29,9\%$ (thuộc trường hợp dưới 100%). Như vậy, tổng khối lượng hoặc thể tích của 05 chất cao côca, lá cây côca, quả thuốc phiện khô, quả thuốc phiện tươi và chất ma túy khác ở thể lỏng không thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 249 mà thuộc trường hợp theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cụ thể: *“h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.”*.

3. Trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 2 Điều 248 hoặc khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ví dụ: Một người mua bán trái phép 02 gam Heroine và 200 gam nhựa thuốc phiện. Tổng khối lượng của 02 chất ma túy được xác định như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Tội mua bán trái phép chất ma túy), thì 02 gam Heroine và 200 gam nhựa thuốc phiện đều thuộc trường hợp dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy sẽ áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định này để tính tổng khối lượng của cả hai chất ma túy như sau:

- Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Heroine và nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Heroine so với mức tối thiểu đối với Heroine được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 40% (02 gam so với 05 gam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu đối với nhựa thuốc phiện được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 40% (200 gam so với 500 gam).

- Cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Heroine và nhựa thuốc phiện lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cả 02 chất ma túy là: $40\% + 40\% = 80\%$ (thuộc trường hợp dưới 100%).

- Xác định điểm, khoản, điều luật: Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Heroine và nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là dưới 100% nên tổng khối lượng của Heroine và nhựa thuốc phiện trong trường hợp này chỉ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 251.

4. Trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 3 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó có ít nhất một chất ma túy có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 của một trong các điều này.

Ví dụ: Một người sản xuất 400 gam nhựa thuốc phiện và 09 gam Heroine. Tổng khối lượng của 02 chất ma túy được xác định như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Tội sản xuất trái phép chất ma túy), thì 400 gam nhựa thuốc phiện thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, còn 09 gam Heroine thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì khối lượng của cả hai chất ma túy đều dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 3 và khối lượng Heroine thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy sẽ áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định này để tính tổng khối lượng của cả hai chất ma túy như sau:

- Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện và Heroine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu đối với nhựa thuốc phiện được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 40% (400 gam so với 01 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Heroine so với mức tối thiểu đối với Heroine được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 248 là 30% (09 gam so với 30 gam).

- Cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện và Heroine lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cả 02 chất ma túy là: $40\% + 30\% = 70\%$ (thuộc trường hợp dưới 100%).

- Xác định điểm, khoản, điều luật: Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện và Heroine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là dưới 100% nên tổng khối lượng của nhựa thuốc phiện và Heroine trong trường hợp này chỉ thuộc trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cụ thể: *“k) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm đ đến điểm h khoản này”*.

5. Trường hợp các chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 4 của một trong các Điều 248, 249, 250, 251, 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó có ít nhất một chất ma túy có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 của một trong các điều này.

Ví dụ: Một người chiếm đoạt 900 gam nhựa thuốc phiện và 500 kilôgam quả thuốc phiện khô. Tổng khối lượng của 02 chất ma túy được xác định như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Tội chiếm đoạt chất ma túy), thì 900 gam nhựa thuốc phiện thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 2, còn 500 kilôgam quả thuốc phiện khô thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì khối lượng của cả hai chất ma túy đều dưới mức tối thiểu đối với từng chất đó theo quy định tại khoản 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và khối lượng quả thuốc phiện khô thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy sẽ áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định này để tính tổng khối lượng của cả hai chất ma túy như sau:

- Tính tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện và quả thuốc phiện khô so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu đối với nhựa thuốc phiện được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 18% (900 gam so với 05 kilôgam).

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của quả thuốc phiện khô so với mức tối thiểu đối với quả thuốc phiện khô được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là 83% (500 kilôgam so với 600 kilôgam).

- Cộng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện và quả thuốc phiện khô lại với nhau để xác định tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của cả 02 chất ma túy là: $18\% + 83\% = 101\%$ (thuộc trường hợp trên 100%).

- Xác định điểm, khoản, điều luật: Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện và quả thuốc phiện khô so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là trên 100% nên tổng khối lượng của nhựa thuốc phiện và quả thuốc phiện khô thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 252 của Bộ luật Hình sự năm 2015 “h) *Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.*”.

